

Bản án số: 33 /2019/HSST

Ngày: 21/6/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Long**.

+ *Thẩm phán:* Ông **Nguyễn Trung Thành**.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Võ Ngọc Ánh**.

Ông **Phạm Văn Biệt**.

Ông **Trần Hữu Lý**.

+ *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

+ *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa:* Ông **Nguyễn Đăng Quang** - Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo

Lê Thị Phương T - sinh năm 1988, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê K (1956) và bà Nguyễn Thị H (1963); chồng Nguyễn Minh H1 (1977); có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/10/2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

01. Bà **Nguyễn Thị Kim N** - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn I, xã E, huyện D, Khánh Hòa. Bà N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

02. Bà **Nguyễn Thị Quỳnh C** - sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn O, xã P, huyện D, Khánh Hòa. Bà C có mặt tại phiên tòa.

03. Ông **Nguyễn Hoàng T1** - sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn O, xã P, huyện D, Khánh Hòa. Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa.

04. Bà **Trương Thụy Hương L** - sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị

trần D, Khánh Hòa. Bà L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

05. Ông Nguyễn T2 - sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện S, tỉnh Khánh Hòa. Ông T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

06. Bà Võ Thị Ngọc T3 - sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn O, xã Ê, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà T3 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

07. Bà Huỳnh Thị H2 - sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn U, xã Ô, huyện D, Khánh Hòa. Bà H2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

08. Ông Đinh Quốc K1 - sinh năm 1990; địa chỉ: TDP Ǻ, thị trấn D, Khánh Hòa. Ông K1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

09. Bà Hồ Thị Bảo A - sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn O, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà A có mặt tại phiên tòa.

10. Bà Nguyễn Thị Hồng M - sinh năm 1993; địa chỉ: Đường O, xã V1, thành phố N2, Khánh Hòa. Bà M có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Minh H1 - sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện D, Khánh Hòa. Ông H1 có mặt tại phiên tòa.

2. Bà Phan Thị Xuân A1 - sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn P1, xã Ô, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Bà A1 vắng mặt tại phiên tòa.

3. Ông Hồ Quốc N1 - sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn O, xã P, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Ông N1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vì có ý định chiếm đoạt tiền của người muốn xin việc làm, nên Lê Thị Phương T đã tự giới thiệu với nhiều người về việc mình có nhiều mối quan hệ và có khả năng xin việc vào làm tại Công ty Y (Công ty Y), mục đích là để chiếm đoạt tài sản của họ. Cụ thể: Từ khoảng tháng 3 đến tháng 8 năm 2016, T nhận của Nguyễn Thị Kim N tổng cộng là 232.000.000đ để xin vào làm việc tại các nơi như: Nhà máy R, Nhà máy X, Cửa hàng G thuộc Công ty Y. Sau khi nhận tiền của chị N, T đã sử dụng tiêu xài cá nhân mà không xin việc cho chị N.

Khoảng tháng 6/2017, T nhận của chị Nguyễn Thị Quỳnh C tổng cộng số tiền là 87.000.000đ để xin cho C vào làm việc tại Cửa hàng G thuộc Công ty Y. Để tạo niềm tin từ C, T đã dùng thủ đoạn đưa cho C giấy Thông báo photo có ký tên, hình dấu của Tổng giám đốc Công ty Y với nội dung thông báo cho chị C đến Công ty để ký hợp đồng lao động. Đến ngày theo thông báo thì T điện thoại cho C báo là Công ty có việc nên hẹn lại ngày khác. Sau nhiều lần như vậy mà vẫn chưa ký được hợp đồng, bị C gặng hỏi thì T đã đưa C một bản Hợp đồng lao động photo của Công ty Y với nội dung làm công nhân bán hàng tại địa chỉ Cửa hàng G.

Trong thời gian này, T nói với C là còn 10 suất việc làm dành cho người nhà, nếu C biết ai thì giới thiệu để T xin việc giúp. Tin tưởng T có khả năng xin việc nên C đã thông báo cho nhiều người quen và đưa cho T tổng cộng là 601.000.000đ cùng hồ sơ xin việc của Nguyễn Hoàng T1, Trương Thụy Hương L, Nguyễn T2, Võ Thị Ngọc T3, Phan Thị Xuân A1 (*do Huỳnh Thị H2 đứng ra xin*), Hồ Quốc N1 (*do Hồ Thị Bảo A đứng ra xin*), Đinh Quốc K1 để T xin việc. Để tạo niềm tin và kéo dài thời gian, T đã làm giả các Thông báo photo có nội dung báo những người xin việc có tên nêu trên đến tại Công ty Y để ký hợp đồng. Tuy nhiên khi đến ngày trên thông báo thì T lại điện thoại thông báo hoãn lại và làm giả các Hợp đồng lao động photo giữa ông Nguyễn Anh H3 - Tổng Giám đốc Công ty Y - với Nguyễn Hoàng T1, Trương Thụy Hương L, Nguyễn T2, Võ Thị Ngọc T3, Phan Thị Xuân A1, Hồ Quốc N1, Đinh Quốc K1 rồi giao cho họ.

Kết quả xác minh của Cơ quan điều tra thể hiện: Tại Công ty Y chưa tiếp nhận hồ sơ xin việc làm của Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Quỳnh C, Nguyễn Hoàng T1, Trương Thụy Hương L, Nguyễn T2, Võ Thị Ngọc T3, Phan Thị Xuân A1, Hồ Quốc N1, Đinh Quốc K1; Các giấy Thông báo, các Hợp đồng lao động do Lê Thị Phương T sử dụng đưa cho C để chuyển cho những người khác đều là giấy tờ giả mạo, mạo danh Công ty Y; Công ty Y không có nhân viên nhân sự tên N

Cũng bằng thủ đoạn nêu trên, khoảng tháng 9/2018, T đã nhận của Nguyễn Thị Hồng M tổng cộng số tiền là 38.000.000đ để xin cho M vào làm nhân viên bán hàng tại quầy U thuộc Công ty TNHH V. Tuy nhiên sau khi nhận tiền, T đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân mà không xin việc cho M.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Thị Phương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Tổng số tiền Lê Thị Phương T đã lừa đảo chiếm đoạt của những người gồm: Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Thị Quỳnh C, Nguyễn Hoàng T1, Trương Thụy Hương L, Nguyễn T2, Võ Thị Ngọc T3, Huỳnh Thị H2, Hồ Thị Bảo A, Đinh Quốc K1 và Nguyễn Thị Hồng M là **958.000.000đ**. Quá trình điều tra, ông Nguyễn Minh H1 (chồng của Lê Thị Phương T) đã trả lại toàn bộ số tiền mà T đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

Tại bản Cáo trạng số 14/CT-VKSKH-P1 ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa, đã truy tố bị cáo Lê Thị Phương T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhận định: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Sau khi phạm tội, bị cáo tác động gia đình bồi thường toàn bộ cho các bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bản thân chưa có tiền án tiền sự; những người bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt đối với bị cáo Lê Thị Phương T từ 12 đến 14 năm tù; Về trách nhiệm dân sự, những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu gì nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã được giải thích quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị cáo đều từ chối luật sư và xin được tự bào chữa. Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 61 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bị cáo và tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Vào các ngày 18 và 19/6/2019, những bị hại gồm: Đinh Quốc K1, Võ Thị Ngọc T3, Nguyễn T2, Nguyễn Thị Kim N, Trương Thụy Hương L, Huỳnh Thị H2 đều có đơn xin xét xử vắng mặt vì bận công việc. Tại phiên tòa, bị hại ông Nguyễn Hoàng T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan Thị Xuân A1 vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đề nghị vẫn tiến hành xét xử, xét thấy hồ sơ đã có đầy đủ lời khai và sự vắng mặt của ông T1, chị Xuân A1 không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt những bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Phương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như nội dung cáo trạng, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Với mục đích chiếm đoạt tiền của những người có nhu cầu xin việc làm, bị cáo Lê Thị Phương T đã tự giới thiệu mình có khả năng xin việc vào Công ty Y (Công ty Y). Từ tháng 3/2016 đến tháng 8/2018, Lê Thị Phương T đã nhận tổng cộng số tiền là 958.000.000đ của những người có nhu cầu xin việc gồm: Nguyễn Thị Kim N (232.000.000đ), Nguyễn Thị Quỳnh C (87.000.000đ), Nguyễn Hoàng T1 (82.000.000đ), Trương Thụy Hương L (87.000.000đ), Nguyễn T2 (160.000.000đ), Võ Thị Ngọc T3 (73.000.000đ), Phan Thị Xuân A1 (33.000.000đ - do Huỳnh Thị H2 đứng ra xin), Hồ Quốc N1 (63.000.000đ - do Hồ Thị Bảo A đứng ra xin), Đinh Quốc K1 (103.000.000đ) và Nguyễn Thị Hồng M (38.000.000đ). Sau khi nhận tiền từ những người này, T không có bất kỳ động thái nào để xin việc cho họ mà sử dụng số tiền đó vào việc chi tiêu cá nhân. Khi bị hỏi thúc, T đã làm các Thông báo, các Hợp đồng lao động giả (bản photo) để giao cho những người xin việc nêu trên. Như vậy, Cáo trạng số 14/CT-VKSKH-P1 ngày 14/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Thị Phương T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây tâm lý hoang mang, bất ổn trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái nhưng vì lòng tham nên vẫn thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này, hành vi của bị cáo là phạm

tội nhiều lần nên cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; các bị hại đều có đơn bãi nại cho bị cáo nên cần xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu gì nên không xét. Những bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai có trong hồ sơ thể hiện không yêu cầu bồi thường gì nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lê Thị Phương T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo **Lê Thị Phương T**.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Xử phạt bị cáo **Lê Thị Phương T 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 23/10/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Những bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa đều không có yêu cầu nên không xét. Những bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về án phí: Bị cáo **Lê Thị Phương T** phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo; những người bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; đề yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Tuấn Long